BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU AN BÌNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 03/11/2020 đến ngày 31/12/2020
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	02-03
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	04-05
Báo cáo kiểm toán độc lập	06-07
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	08-34
Báo cáo thu nhập	08
Báo cáo tình hình tài chính	09-10
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	11
Báo cáo danh mục đầu tư	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13
Thuyết minh báo cáo tài chính	14-34

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình (sau đây gọi tắt là "Quỹ") cho kỳ hoạt động từ ngày 03 tháng 11 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 151/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 07 năm 2020 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 47/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 11 năm 2020. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình (tên viết tắt: ABF) thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán số 12/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28/12/2006, Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 22/02/2016 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp. ABF thực hiện các ngành nghề kinh doanh như: lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán, được các thành viên góp vốn ủy thác quản lý Quỹ.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003 thay đổi lần thứ 10 ngày 20/05/2015 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên của Ban đại diện trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Trương Ngọc Lân	Chủ tịch - thành viên độc lập	
Bà	Vũ Thị Chinh	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 30/11/2020
Bà	Nguyễn Thị Nga	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 30/11/2020
Ông	Lê Việt Hà	Thành viên	
Ông	Lại Tất Hà	Thành viên độc lập	
Bà	Trịnh Hương Lan	Thành viên	
Bà	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 30/11/2020
Ông	Nguyễn Đại Hải	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 30/11/2020

Thành viên của Ban điều hành Quỹ trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà	Võ Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ
Ông	Nguyễn Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Quỹ.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình với tư cách là Công ty Quản lý quỹ của Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động của Quỹ trong kỳ hoạt động từ ngày 03/11/2020 đến ngày 31/12/2020. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ 03/11/2020 đến 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo ý kiến của Ban Đại diện quỹ, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động cho kỳ hoạt động từ ngày 03 tháng 11 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ cam kết rằng Quỹ không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Công ty Quản lý Quỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Lê Việt Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

BIDV

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình (sau đây gọi là "Quỹ") tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho giai đoạn tài chính từ ngày 03 tháng 11 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn tài chính từ ngày 03 tháng 11 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình đã tuân thủ quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên tại một số kỳ định giá danh mục của Quỹ có phát sinh sai lệch so với hạn chế đầu tư của quỹ, cụ thể như sau:

- Tại một số kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng trong năm 2020, tỷ lệ đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác (không bao gồm tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng) trên giá trị tài sản ròng chưa đạt 80% theo quy định tại khoản 17 điều 2 Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BTC ngày 21/3/2016 hợp nhất 02 Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở (Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 và Thông tư 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016) và điểm e khoản 10.1 điều 10 Điều lệ Quỹ. Tại kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng ngày 29/12/2020, Công ty Quản lý quỹ đã điều chỉnh danh mục đầu tư của Quỹ để tỷ lệ đầu tư trên đáp ứng 80% theo quy định.

- Tại một số kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng năm 2020, tỷ lệ đầu tư chưa đảm bảo hạn chế đầu tư của Quỹ quy định tại khoản 10.1.a, điều 10 của Điều lệ Quỹ và khoản 4.b, điều 15 của Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BTC ngày 21/3/2016: *"Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f khoản 2 Điều này, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau"*

- Tại một số kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng năm 2020, tỷ lệ đầu tư chưa đảm bảo hạn chế đầu tư của Quỹ quy định tại khoản 10.1.d, điều 10 của Điều lệ Quỹ và khoản 4.e, điều 15 Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BTC ngày 21/3/2016: *"Không đầu tư quá mười phần trăm (10,0%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào: (i) cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; (ii) trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành"*.

- Tại một số kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng năm 2020, tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành vượt 20% Tổng giá trị tài sản của Quỹ, chưa đảm bảo hạn chế đầu tư của Quỹ quy định tại khoản 10.1.b, điều 10 của Điều lệ Quỹ và khoản 4.c, điều 15 Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BTC ngày 21/3/2016: *"Tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào tất cả các chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành kể cả các giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu không bao gồm trái phiếu Chính phủ, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi không được vượt quá 20,0% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ"*.

Theo quy định tại khoản 5 điều 15 Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BTC ngày 21/3/2016, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch do Quỹ mới được cấp phép thành lập mà thời gian hoạt động không quá (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ

b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Trong kỳ, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH HÀ THÀNH

PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Thu Cúc

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Trần Thùy Linh

Số: 290321.045/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Nhà đầu tư và Ban đại diện**
Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình được lập ngày 29 tháng 03 năm 2021, từ trang 08 đến trang 34, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo thu nhập, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 03 tháng 11 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình là Công ty Quản lý quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Quỹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc Công ty Quản lý quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 03 tháng 11 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Vũ Xuân Biển
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2018-002-1

Ngô Hoàng Hà
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 3999-2018-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO THU NHẬP

Cho kỳ hoạt động từ ngày 03/11/2020 đến ngày 31/12/2020

Mã số		CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ hoạt động từ ngày 03/11/2020 đến ngày 31/12/2020
				VND
01	**I.**	**THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**		**695.059.637**
02	1.1	Trái tức được nhận	3	422.255.945
03	1.2	Tiền lãi được nhận		130.395.823
04	1.3	Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư		(11.525.521)
05	1.4	Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện		153.933.390
10	**II.**	**CHI PHÍ ĐẦU TƯ**		**14.141.425**
11	2.1	Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư		14.141.425
20	**III.**	**CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ**	**4**	**203.017.297**
20.1	3.1	Phí quản lý quỹ mở		69.410.965
20.2	3.2	Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		29.054.000
20.3	3.3	Phí dịch vụ giám sát		10.633.333
20.4	3.4	Phí dịch vụ quản trị quỹ mở		31.900.000
20.5	3.5	Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		15.766.666
20.6	3.6	Thù lao Ban đại diện quỹ		25.133.333
20.10	3.7	Chi phí hoạt động khác		21.119.000
23	**IV.**	**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**		**477.900.915**
30	**V.**	**TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ**	**14**	**477.900.915**
31	5.1	Lợi nhuận đã thực hiện		323.967.525
32	5.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		153.933.390
40	**VI.**	**CHI PHÍ THUẾ TNDN**		-
41	**VII.**	**LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN**		**477.900.915**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Phùng Thị Minh Thu
Người lập/kế toán trưởng

Lê Việt Hà
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020 VND
100	**I. TÀI SẢN**		
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	5	21.808.121.947
111	*1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở*		*21.808.121.947*
120	2. Các khoản đầu tư thuần	6	88.220.815.253
121	*2.1 Các khoản đầu tư trái phiếu*		*88.220.815.253*
130	3. Các khoản phải thu	7	1.731.374.082
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		1.731.374.082
136	*3.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận*		*1.731.374.082*
100	**TỔNG TÀI SẢN**		**111.760.311.282**
Mã số	**NGUỒN VỐN**		
300	**II. NỢ PHẢI TRẢ**		
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ và Công ty quản lý quỹ	8	45.554.680
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	18.102.851
316	3. Thù lao Ban đại diện Quỹ	10	25.133.333
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	11	802.000.000
319	5. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	12	117.455.365
300	**TỔNG NỢ PHẢI TRẢ**		**1.008.246.229**
400	**III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ**	**13**	**110.752.065.053**
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		110.203.728.900
412	1.1 Vốn góp phát hành		119.273.500.100
413	1.2 Vốn góp mua lại		(9.069.771.200)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		70.435.238
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	14	477.900.915
430	**IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ**		**10.049,75**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2020
004	I. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành		11.020.372,89

Phùng Thị Minh Thu
Người lập/kế toán trưởng

Lê Việt Hà
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 03/11/2020 đến ngày 31/12/2020

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ hoạt động từ ngày 03/11/2020 đến ngày 31/12/2020
		VND
I.	**Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ**	**-**
II.	**Thay đổi NAV trong kỳ**	**477.900.915**
	Trong đó:	
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ	477.900.915
III.	**Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ**	**110.274.164.138**
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	119.385.100.000
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	(9.110.935.862)
III.	**Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ**	**-** **110.752.065.053**

S.G.P: 12 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Phùng Thị Minh Thu
Người lập/ Kế toán trưởng

Lê Việt Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

STT	Loại	Số lượng	Giá trị trường cuối năm (VND)	Tổng giá trị (VND)	Tỷ lệ (%) Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ
I.	**Trái phiếu**				
	ANC11607	500.000	100.442,00	50.221.000.000	44,94%
	SHNH2023001	20	987.030.964,45	19.740.619.289	17,66%
	SHNH2023002	10	987.008.159,20	9.870.081.592	8,83%
	MSN2023053	83.203	100.827,07	8.389.114.372	7,51%
	Tổng			**88.220.815.253**	**78,94%**
II.	**Các tài sản khác**				
	1. Lãi trái phiếu được nhận			1.731.374.082	1,55%
	Tổng			**1.731.374.082**	**1,55%**
III.	**Tiền**				
1.	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ			21.006.121.947	18,80%
2.	Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ			802.000.000	0,72%
	Tổng			**21.808.121.947**	**19,51%**
IV.	**Tổng giá trị danh mục**			**111.760.311.282**	**100,00%**

Phùng Thị Minh Thu

Người lập/ Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Lê Việt Hà

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 03/11/2020 đến ngày 31/12/2020
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ hoạt động từ ngày 03/11/2020 đến ngày 31/12/2020
			VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	***1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp***		***477.900.915***
02	***2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư***		***(153.933.390)***
03	- (- Lãi) hoặc (+ lỗ) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện		(153.933.390)
05	***3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động***		***(88.790.009.716)***
06	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản đầu tư		(88.066.881.863)
07	- (-) Tăng, (+) giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(1.731.374.082)
11	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ		45.554.680
13	- (+) Tăng, (-) giảm Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		18.102.851
14	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		802.000.000
16	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả, phải nộp khác		25.133.333
17	- (+) Tăng, (-) giảm Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		117.455.365
19	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(88.466.042.191)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	1. Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ quỹ		119.385.100.000
32	2. Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ		(9.110.935.862)
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***110.274.164.138***
40	**III. TĂNG GIẢM TIỀN THUẦN TRONG NĂM**		***21.808.121.947***
50	**IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ**		
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		-
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		-
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		-
55	**V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ**		**21.808.121.947**
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		21.808.121.947
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		21.006.121.947
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		802.000.000
60	**VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG NĂM**	5	**21.808.121.947**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Phùng Thị Minh Thu
Người lập/ kế toán trưởng

Lê Việt Hà
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 03/11/2020 đến ngày 31/12/2020

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 . Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 151/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 07 năm 2020 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 47/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 11 năm 2020. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.347.010 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị 53.470.100.000 đồng với mệnh giá 10.000 đồng/ đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020,vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào quỹ là 110.203.728.900 đồng tương đương với 11.020.372,89 chứng chỉ quỹ.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ được ban hành tháng 07/2020 và sửa đổi bổ sung tháng 11/2020.

1.2 . Mục tiêu đầu tư

Quỹ hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư chủ yếu vào các trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng và một phần vào các tài sản khác với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại lợi nhuận dài hạn ổn định cho các nhà đầu tư. Trong trường hợp môi trường đầu tư tạm thời không phù hợp với các tài sản cố định nêu trên hoặc nhiều trường hợp khác biệt khác việc xem xét đầu tư sẽ do Đại hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ xem xét quyết định phù hợp với thẩm quyền được Quy định trong Điều Lệ Quỹ và các Quy định khác của Pháp Luật.

1.3 . Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Ngày định giá: là ngày xác định NAV của Quỹ, bao gồm tất cả các Ngày Giao Dịch (hiện tại là Thứ Tư hàng tuần) và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ: Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào Thứ Tư hàng tuần đối với kỳ báo cáo tuần và ngày đầu tiên của tháng đối với kỳ báo cáo tháng/quý/năm. Nếu ngày định giá tuần trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày định giá đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo gần nhất theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi Đơn vị quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

1.4 . Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Đơn Vị Quỹ vào ngày Thứ Tư (4) hàng tuần của tháng nếu ngày đó là Ngày Làm việc ("Ngày Giao Dịch"). Nếu ngày giao dịch trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp hoặc ngày khác theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

1.5 . Hạn chế đầu tư

Thông tin về hạn chế đầu tư đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch và Điều lệ hoạt động của Quỹ.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI QUỸ

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 03/11/2020 (ngày cấp Giấy chứng nhận thành lập Quỹ) và kết thúc ngày 31/12/2020

2.2 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:
1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

2.5 . Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua và không bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc, trên khoản mục "dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc sau:

- Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại điều lệ Quỹ và thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư Quỹ hiện đang nắm giữ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Sổ tay Định giá và Điều lệ quỹ như sau:

STT	*Loại tài sản*	*Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường*
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế từ thời điểm mua tính tới ngày trước ngày định giá. Trong trường hợp có sự chênh lệch giữa giá mua và mệnh giá cộng lãi lũy kế tại thời điểm mua. Sự chênh lệch sẽ được phân bổ đều theo số ngày còn lại vào giá trị tài sản. Chênh lệch phân bổ trên 1 ngày bằng tổng chênh lệch chia cho số ngày còn lại của tài sản tới khi đáo hạn. Theo đó Giá tài sản = Mệnh giá + Lãi lũy kế từ kỳ trả coupon gần nhất + chênh lệch phân bổ trên 1 ngày nhân với số ngày còn lại từ thời điểm định giá.

Trái phiếu		
5.	Trái phiếu niêm yết	- (a) Trường hợp có giao dịch trong vòng hai (02) tuần tính đến ngày định giá và lãi suất chiết khấu nội suy từ mức giá này (theo công thức ghi tại phần c- cách 1) không thay đổi quá 0.5% so với mức lãi suất chiết khấu của ngày định giá gần nhất: Giá thị trường là giá yết cuối ngày (*) (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế cộng với lãi lũy kế từ ngày thu thập giá yết tới ngày trước ngày định giá; - (b) Trường hợp có giao dịch trong vòng hai (02) tuần tính đến ngày định giá và lãi suất chiết khấu nội suy từ mức giá này thay đổi quá 0.5% so với mức lãi suất chiết khấu của ngày định giá gần nhất: mức giá được xác định theo lãi suất chiết khấu của ngày định giá gần nhất với biến động tối đa 0.5% với dòng tiền như tính toán tại phần c - (c) Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: • Cách 1: □ Trường hợp lãi suất cố định: Giá tính toán theo phương pháp chiết khấu dòng tiền của các dòng tiền trái phiếu trong tương lai với lãi suất chiết khấu được tính bằng lãi suất chiết khấu được tính nội suy từ mức giá được định giá gần nhất theo nguyên tắc tính toán tại điểm này . □ Trường hợp lãi suất thả nổi: Giá tính toán theo phương pháp chiết khấu dòng tiền của các dòng tiền trái phiếu trong tương lai với lãi suất chiết khấu được tính bằng (i) lãi suất chiết khấu được tính nội suy từ mức giá được định giá gần nhất theo nguyên tắc tính toán tại điểm nàycộng với (ii) sự thay đổi lãi suất tham chiếu của coupon trái phiếu giữa thời điểm định giá gần nhất và thời điểm định giá**. Coupon thả nổi trong tương lai (kỳ chưa xác định coupon) được ước tính với mức lãi suất tham chiếu bằng lãi suất tham chiếu thời điểm định giá. • Cách 2: Giá mua cộng lãi lũy kế từ thời điểm mua tới thời điểm định giá; • Cách 3: Mệnh giá cộng lãi lũy kế từ kỳ trả coupon gần nhất tới thời điểm định giá; • Cách 4: Giá xác định theo Phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. Ghi chú: (*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là trung bình cộng của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.

6.	Trái phiếu không niêm yết	• a) Trường hợp có giá yết trong vòng hai (02) tuần tính đến ngày định giá và lãi suất chiết khấu nội suy từ mức giá này (theo công thức ghi tại phần b- cách 1) không thay đổi quá 0.5% so với mức lãi suất chiết khấu của ngày định giá gần nhất: Giá yết (*) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; • b) Trong trường hợp không có mức giá nêu tại phần alà một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: • Cách 1: o Trường hợp lãi suất cố định: Giá tính toán theo phương pháp chiết khấu dòng tiền của các dòng tiền trái phiếu trong tương lai với lãi suất chiết khấu được tính bằng lãi suất chiết khấu được tính nội suy từ mức giá tại thời điểm mua hoặc thời điểm định giá gần nhất tùy thời điể nào gần hơn theo nguyên tắc tính toán tại điểm này. o Trường hợp lãi suất thả nổi: Giá tính toán theo phương pháp chiết khấu dòng tiền của các dòng tiền trái phiếu trong tương lai với lãi suất chiết khấu được tính bằng (i) lãi suất chiết khấu được tính nội suy từ mức giá tại thời điểm mua hoặc thời điểm được định giá gần nhất tùy thời điểm nào gần hơn theo nguyên tắc tính toán tại điểm này (ii) sự thay đổi lãi suất tham chiếu của coupon trái phiếu giữa thời điểm thời điểm mua hoặc thời điểm được định giá gần nhất tùy thời điểm nào gần hơn và thời điểm định giá. Coupon thả nổi trong tương lai (kỳ chưa xác định coupon) được tính với mức lãi suất tham chiếu bằng lãi suất tham chiếu thời điểm định giá. • Cách 2: Giá mua cộng lãi lũy kế từ thời điểm mua tới thời điểm định giá; • Cách 3: Mệnh giá cộng lãi lũy kế từ kỳ trả coupon gần nhất tới thời điểm định giá; • Cách 4: Giá xác định theo phương pháp khác đã được ban đại diện quỹ chấp thuận. Ghi chú: (*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là bình quân của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.
Cổ phiếu		
7.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	- Giá thị trường là Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá thì giá cổ phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: • Giá mua; hoặc • Giá trị sổ sách; • Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	- Giá thị trường là Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá thì giá cổ phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: • Giá mua; hoặc • Giá trị sổ sách; • Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá thị trường là Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá thì giá cổ phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: • Giá mua; hoặc • Giá trị sổ sách; • Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	- Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan được Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: • Giá trung bình từ 02 tổ chức báo giá; hoặc • Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; • Giá mua; hoặc • Giá trị sổ sách; • Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	-Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: • Giá trị sổ sách; hoặc • Mệnh giá; • Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	-Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: • 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc • Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	-Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: • Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc • Giá trị sổ sách; • Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận

Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt khi quyền được ghi nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi NH và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Quỹ dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ trên báo cáo thu nhập.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019.

2.7 . Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao ban đại diện quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

2.8 . Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của Nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/ mua lại.
Thặng dư vốn bao gồm: Thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại
- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ
- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá đơn vị Quỹ mua lại và mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Lợi nhuận phân phối cho Nhà Đầu tư

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/ tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

2.9 . Giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản của Quỹ (trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày cuối cùng của kỳ định giá.

Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc như nêu trên.

Giá trị đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng trên Báo cáo tình hình tài chính của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính và được làm tròn xuống đến 02 số thập phân.

2.10 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế mà giá trị có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Tiền lãi được ghi nhận là doanh thu trên cơ sở dồn tích có tính lãi đầu tư thực tế của tài sản trừ đi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là cổ đông được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Quỹ mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu theo dõi ngoại bảng.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty chứng khoán và Ngân hàng giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết)

2.11 . Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu bao gồm:

Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ

- Giá dịch vụ quản lý là 1,45% (một phẩy bốn lăm phần trăm) tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ vào ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ vào ngày định giá, và được trả sau cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ. Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

  Giá dịch vụ quản lý = 1,45% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366). Riêng trong tháng 12/2020, Công ty quản lý Quỹ áp dụng mức phí quản lý là 0%.

  Trường hợp tăng Giá dịch vụ quản lý phải được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Trong mọi trường hợp, tổng số giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng không vượt quá mức tối đa 2% theo quy định của pháp luật hiện hành.

  Trường hợp điều chỉnh giảm Giá dịch vụ quản lý quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quyết định. Trong trường hợp này Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo mức giá dịch vụ quản lý mới với Ban đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát đồng thời cập nhật trong Bản cáo bạch của Quỹ và công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật.

Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát

Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát là 0,02% (hai điểm cơ bản) một năm trên Tổng giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VNĐ (Năm triệu đồng) một tháng. Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát = 0,02% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)

Giá Dịch Vụ Lưu Ký

Giá Dịch Vụ Lưu Ký là 0,06% (sáu điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 15.000.000 (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
Giá Dịch Vụ Lưu Ký = 0,06% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)

Giá dịch vụ lưu ký, chưa bao gồm giá dịch vụ xử lý giao dịch cho các giao dịch chứng khoán và giá dịch vụ trả cho Trung tâm lưu ký chứng khoán (chi phí bên thứ ba).

Giá Dịch Vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03% (ba điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 15.000.000 (mười lăm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:
Giá dịch vụ quản trị quỹ = 0,03% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm giá dịch vụ duy trì Nhà đầu tư; giá dịch vụ thiết lập dữ liệu Nhà đầu tư; giá dịch vụ đăng ký mua mới, mua lại, hoán đổi; và giá dịch vụ phân phối cổ tức. Giá dịch vụ dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 (mười triệu đồng)/tháng (chưa bao gồm thuế VAT) và có thể thay đổi theo thông báo của Đại lý chuyển nhượng.

2.12 . Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

2.13 . Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở không được thể hiện trong Báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.14 . Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân sửa đổi với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính; Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.
Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

2.15 . Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung. Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3 . TRÁI TỨC ĐƯỢC NHẬN

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 03/11/2020 đến ngày 31/12/2020
	VND
- Trái tức nhận được từ trái phiếu niêm yết	225.000.000
- Trái tức nhận được từ trái phiếu chưa niêm yết	197.255.945
	422.255.945

4 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 03/11/2020 đến ngày 31/12/2020
	VND
Phí quản lý quỹ mở	69.410.965
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	29.054.000
Phí dịch vụ giám sát	10.633.333
Phí dịch vụ quản trị quỹ mở	31.900.000
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	15.766.666
Thù lao cho ban đại diện quỹ	25.133.333
Chi phí hoạt động khác	21.119.000
	203.017.297

5 . TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020
	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.808.121.947
	21.808.121.947

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

	Giá mua	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối kỳ	Chênh lệch đánh giá tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	Chênh lệch đánh giá lại
	31/12/2020	31/12/2020	31/12/2020	31/12/2020	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu niêm yết	**50.065.700.000**	**50.221.000.000**	**155.300.000**	**-**	**155.300.000**
- ANC11607	50.065.700.000	50.221.000.000	155.300.000	-	155.300.000
Trái phiếu chưa niêm yết	**38.001.181.863**	**37.999.815.253**	**700.881**	**(2.067.491)**	**(1.366.610)**
- SHNH2023001	19.740.000.000	19.740.619.289	619.289	-	619.289
- SHNH2023002	9.870.000.000	9.870.081.592	81.592	-	81.592
- MSN2023053	8.391.181.863	8.389.114.372	-	(2.067.491)	(2.067.491)
	88.066.881.863	**88.220.815.253**	**156.000.881**	**(2.067.491)**	**153.933.390**

Trong đó:

- Trái phiếu niêm yết do Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế phát hành với giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2020 là 50.221.000.000 đồng, có kỳ hạn 05 năm (ngày đáo hạn là ngày 01/09/2021) với lãi suất bằng tổng của 3,0%/năm và lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (áp dụng tại Chi nhánh Sở Giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (áp dụng tại Sở Giao dịch), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (áp dụng tại Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh) và Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam (áp dụng tại Sở Giao dịch) công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan. Lãi trả 6 tháng/lần.

- Trái phiếu chưa niêm yết do Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội phát hành với tổng giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2020 là 29.610.700.881 đồng, có kỳ hạn 03 năm với lãi suất 8,5%, lãi trả 01 năm/lần.

- Trái phiếu chưa niêm yết do Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan phát hành với tổng giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2020 là 8.389.114.372 đồng, có kỳ hạn 03 năm với lãi suất 10% /năm ở 2 kỳ tính lãi đầu tiên, đối với mỗi kỳ tính lãi sau 02 kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất thả nổi bằng tổng của 4%/năm và lãi suất tham chiếu (là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi áp dụng đối với các khoản tiền gửi tiết kiệm cá nhân với lãi trả sau bằng tiền đồng kỳ hạn 12 tháng hoặc tương đương do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan) của kỳ tính lãi đó. Lãi trả 6 tháng/lần.

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2020
	VND
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu niêm yết phát sinh trong kỳ	1.525.000.000
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu chưa niêm yết phát sinh trong kỳ	206.374.082
	1.731.374.082

8 . PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

	31/12/2020
	VND
Phải trả các Đại lý phân phối	45.554.680
	45.554.680

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2020
	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	3.102.851
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	15.000.000
	18.102.851

10 . THÙ LAO BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

	31/12/2020
	VND
Phải trả thù lao cho ban đại diện Quỹ	25.133.333
	25.133.333

11 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	31/12/2020
	VND
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	802.000.000
	802.000.000

12 . PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	31/12/2020
	VND
Phải trả chi phí quản lý quỹ mở	117.455.365
	117.455.365

13 . TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	03/11/2020	Phát sinh trong kỳ	31/12/2020
	VND	VND	VND
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	5.347.010,00	6.580.340,01	11.927.350,01
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	10.000	10.016,96	10.009,36
Giá trị ghi theo mệnh giá	53.470.100.000	65.803.400.100	119.273.500.100
Thặng dư vốn	-	111.599.900	111.599.900
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	**53.470.100.000**	**65.915.000.000**	**119.385.100.000**
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	-	906.977,12	906.977,12
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	-	10.045,39	10.045,39
Giá trị ghi theo mệnh giá	-	9.069.771.200	9.069.771.200
Thặng dư vốn	-	41.164.662	41.164.662
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	-	**9.110.935.862**	**9.110.935.862**
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	**5.347.010,00**	**5.673.362,89**	**11.020.372,89**
Giá trị vốn góp hiện hành	**53.470.100.000**	**56.804.064.138**	**110.274.164.138**
Lợi nhuận chưa phân phối	-	**477.900.915**	**477.900.915**
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	**53.470.100.000**	**57.281.965.053**	**110.752.065.053**
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	**10.000,00**		**10.049,75**

14 . LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	31/12/2020
	VND
Lợi nhuận đã thực hiện	323.967.525
Lợi nhuận chưa thực hiện	153.933.390
	477.900.915

15 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Kỳ tính NAV	NAV	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV	**Tăng/ (giảm) NAV/đơn vị Quỹ**
	VND	VND	VND	**VND**
10/11/2020	53.442.398.245	5.347.010,00	9.994,81	0,00
Kỳ 1 Tháng 11/2020	53.421.455.092	5.347.010,00	9.990,90	(3,91)
Kỳ 2 Tháng 11/2020	73.058.391.419	7.304.491,47	10.001,84	10,94
Kỳ cuối Tháng 11/2020	73.066.788.706	7.304.491,47	10.002,99	1,15
Kỳ 1 Tháng 12/2020	73.102.118.366	7.304.491,47	10.007,83	4,84
Kỳ 2 Tháng 12/2020	86.220.348.950	8.605.071,54	10.019,71	11,88
Kỳ 3 Tháng 12/2020	86.290.160.783	8.605.071,54	10.027,82	8,11
Kỳ 4 Tháng 12/2020	100.602.946.060	10.023.923,65	10.036,28	8,46
Kỳ 5 Tháng 12/2020	108.948.357.910	10.840.835,29	10.049,81	13,53
Kỳ cuối Tháng 12/2020	110.752.065.053	11.020.372,89	10.049,75	(0,06)
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	**80.005.725.223**			
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức cao nhất				13,53
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức thấp nhất				0,06

16 . MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUỸ MỞ

Chỉ tiêu	Cho kỳ hoạt động từ ngày 03/11/2020 đến ngày 31/12/2020
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	1,68%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	429,42%

Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí là: Tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ mở tính cho 1 đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động *100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm

Tỷ lệ này được tính toán cho 12 tháng tại ngày kết thúc Báo cáo tài chính năm của kỳ (kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc kỳ kế toán) để có khả năng so sánh giữa các kỳ và các Quỹ mở.

Khi Quỹ mở mới thành lập có thời gian ít hơn 1 năm thì Tỷ lệ chi phí cũng phải được tính theo một năm bởi các yếu tố phù hợp.

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của Chỉ tiêu Tỷ lệ chi phí hoạt động, gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái của Quỹ mở (Bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các Nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (Thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả Thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán Chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán Chứng chỉ quỹ.
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho Nhà đầu tư.

Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ mở trong 1 kỳ (kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc kỳ kế toán).

Tốc độ vòng quay danh mục (%) = (Tổng giá trị mua trong kỳ + Tổng giá trị bán trong kỳ)/2 *100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm/ Số ngày thực tế phát sinh(tính từ ngày thành lập đến thời điểm kết thúc năm tài chính)*366

Tỷ lệ này được tính toán cho 12 tháng tại ngày kết thúc báo cáo tài chính năm của kỳ (kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc kỳ kế toán).

17 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Quỹ bao gồm:

	31/12/2020	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	21.808.121.947	21.808.121.947
Các khoản đầu tư thuần	88.220.815.253	88.220.815.253
Các khoản phải thu	1.731.374.082	1.731.374.082
	111.760.311.282	**111.760.311.282**
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ và Công ty quản lý quỹ	163.010.045	163.010.045
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	802.000.000	802.000.000
Chi phí phải trả và phải trả, phải nộp khác	25.133.333	25.133.333
	990.143.378	**990.143.378**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Quỹ bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Đối với các tài sản là tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, rủi ro này là không có do giá trị và dòng tiền từ tài sản không bị thay đổi bởi các yếu tố thị trường.

Đối với trái phiếu có lãi suất cố định, mặc dù biến động của lãi suất thị trường có thể ảnh hưởng tới giá của trái phiếu tại từng thời điểm nhưng lại không tác động tới tổng dòng tiền của tài sản đến cuối kỳ do Quỹ không nắm giữ với mục đích chờ tăng giá mà chủ yếu là nắm giữ tới đáo hạn.

Đối với các tài sản là trái phiếu có lãi suất thả nổi theo biên độ, rủi ro thị trường (giá trái phiếu) là không đáng kể do biến động dòng tiền trong tương lai thường thay đổi song hành cùng với tỷ suất chiết khấu trái phiếu theo biến động của thị trường. Định hướng, chiến lược đầu tư cũng tập trung vào các tài sản có lãi suất thả nổi để giảm thiểu tối đa biến động của giá thị trường tới giá trị tài sản trong kỳ.

Rủi ro tiền tệ:

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Quỹ. Quỹ có các rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp).

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng có uy tín ở Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các loại trái phiếu doanh nghiệp được Quỹ nắm giữ là trái phiếu của doanh nghiệp có uy tín tại Việt Nam, được nghiên cứu và phân tích kỹ lưỡng trước khi thực hiện đầu tư và được đa dạng hóa nhằm giảm thiểu rủi ro tối đa.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng, tổ chức phát hành...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính có thanh khoản cao, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

18 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ HOẠT ĐỘNG

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

19 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có phát sinh giao dịch với Quỹ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình	Công ty quản lý quỹ đầu tư
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng giám sát

Quỹ có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ hoạt động với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Cho kỳ hoạt động từ ngày 03/11/2020 đến ngày 31/12/2020
	VND
Phí dịch vụ quản lý, giám sát quỹ	**140.944.298**
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình	69.410.965
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	71.533.333

Số dư tại ngày kết thúc kỳ hoạt động:

	31/12/2020
	VND
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	**69.410.965**
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình	69.410.965

20 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Quỹ Đầu tư Trái phiếu An Bình được thành lập vào ngày 03/11/2020 và kỳ hoạt động đầu tiên của Quỹ là từ ngày 03/11/2020 đến ngày 31/12/2020. Do đó Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động đầu tiên này không có số liệu so sánh của kỳ tương ứng.

Phùng Thị Minh Thu
Người lập/Kế toán trưởng

Lê Việt Hà
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021